

MÁY TỜI (MÁY TRỜI)



Máy tời 3 tấn TTD3000



Máy tời 5 tấn TTD5000

Tính năng sử dụng:

Máy tời 3 tấn TTD3000 là loại máy chuyên dùng trong xây dựng điện, được sử dụng trong công tác dựng các loại trụ điện.

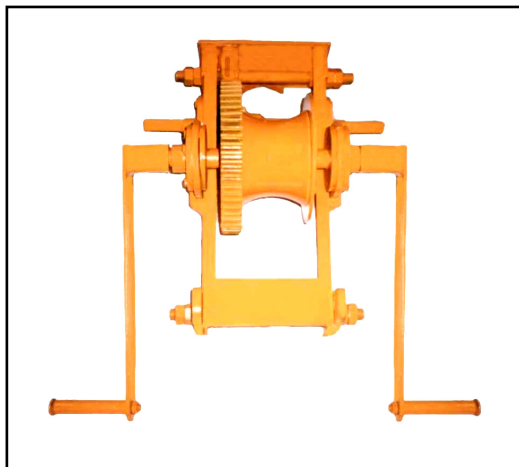
Máy tời 5 tấn TTD5000 là loại máy chuyên dùng trong xây dựng điện, được sử dụng cho công tác kéo dây, căng dây, và dựng các loại trụ điện. Đặc biệt máy tời 5 tấn TTD5000 có thể kéo được các loại cáp điện ngầm.

Máy được thiết kế gọn nhẹ, dễ sử dụng, dễ di chuyển trong những địa hình phức tạp như đầm lầy, đồi núi....Ngoài ra máy có khả năng tự hãm khi vận hành.

Thông số kỹ thuật:

Loại máy	Động cơ nổ	Công suất	Kích thước (dài x rộng x cao) mm	Lực kéo tối đa (kN)	Trọng lượng (khô)	Đường kính cáp môi sử dụng (mm)
Máy tời 3 tấn TTD3000	Xăng, 4 thì	13 HP	1.280 x 850 x 600	30 (3.000kgf)	180kg ± 3%	≤ φ12
Máy tời 5 tấn TTD5000	Xăng, 4 thì	21.1 HP	1.860 x 940 x 790	50 (5.000kgf)	330kg ± 3%	≤ φ16

TỜ TAY (TRƠ TAY)



Tính năng sử dụng:

Tờ tay là loại máy chuyên dùng trong xây dựng điện được sử dụng trong công tác dựng trụ bê tông (kết hợp với tổ 3 chân) hoặc kéo vật nặng, thường được thay thế máy tờ trong những trường hợp thời gian kéo không nhiều, tải kéo nhỏ nhưng phải vận chuyển thường xuyên.

Máy được thiết kế gọn nhẹ, dễ sử dụng, dễ dàng di chuyển trong những địa hình phức tạp như đầm lầy, đồi núi,...

Sử dụng cho cáp thép mềm $\leq \phi 10$ mm.

Thông số kỹ thuật:

Loại máy	Kích thước (dài x rộng x cao) mm	Lực kéo tối đa (lực căng ở đầu vào tang cuốn cáp)	Trọng lượng (khô)
Máy tờ tay	530 x 350 x 246	9 kN (900kgf)	40kg \pm 3%

MÁY THĂNG THỦY LỰC



Tính năng sử dụng:

Máy thắng **TTLTD1** là thiết bị dùng để kéo dây ngoài trời một cách an toàn bằng cách tạo lực căng dây dẫn điện nhằm phòng ngừa dây dẫn điện bị hư hỏng do chạm mặt đất trong khi kéo.

Do lực thắng điều chỉnh bằng thủy lực nên thắng êm, không bị giật.

Hệ thống thắng thủy lực giữ cho độ căng liên tục lên đến 30 kN (3.000 kgf)

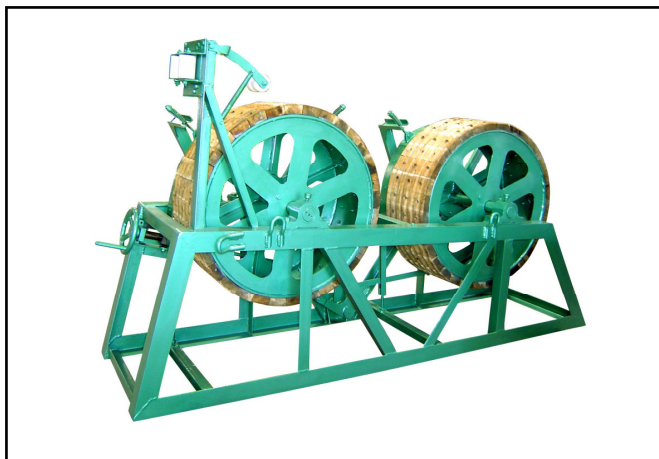
Ngoài hệ thống thắng thủy lực máy còn có hệ thống thắng cơ với lực căng đạt tới 8kN (800 kgf).

Loại cáp lớn nhất có thể dùng được: ACRS 1.160 mm² và OPGW (cáp quang) (khi kéo cáp quang, nhà hệ thống thủy lực, chỉ sử dụng thắng cơ).

Thông số kỹ thuật:

- Mã hiệu : TTLTD1
- Sức căng tối đa : 30 kN (3.000kgf) x 30 m/phút.
: 20 kN (2.000kgf) x 50 m/phút.
- Sức căng tối thiểu : 4,5 kN (450kgf).
- Loại thắng : thắng đai và thủy lực.
- Thùng dầu có cánh tản nhiệt : dung tích 180 lít.
- Ròng rọc kéo cáp (loại bánh xích):
 - Đường kính đáy rãnh : 1.456 mm.
 - Chiều rộng bánh xích : 70 mm.
- Kích thước (dài x rộng x cao) mm : 2.200 x 1.420 x 1.700
- Trọng lượng : 1.450 kg ± 3% (tính cả dầu thủy lực).

MÁY THẮNG GỖ



Tính năng sử dụng:

Máy thắng TGTĐ2 dùng để tạo lực căng dây dẫn điện, nhằm phòng ngừa dây bị hư hỏng do chạm mặt đất trong khi kéo. Được thiết kế đặc biệt cho công tác kéo dây (tạo lực căng dây) ở các đường dây tải điện.

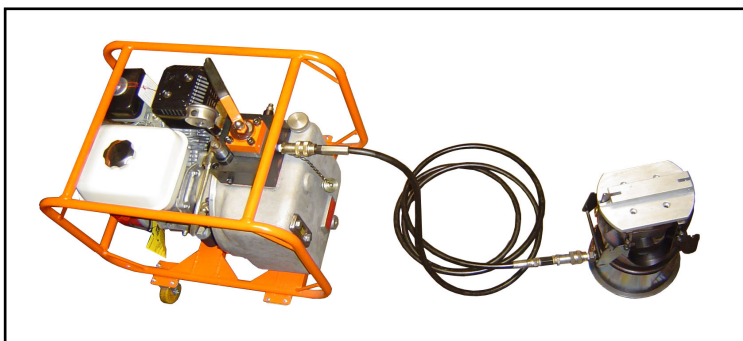
Đặc biệt máy gồm hai trống thắng, phần quấn dây trên trống thắng được quấn trên những thanh gỗ ghép lại và được cắt rãnh dẫn hướng dây. Ngoài ra còn có bộ căng dây để luôn tạo cho dây có độ căng nhất định nhằm tạo lực giữ luôn ổn định.

Máy thắng gỗ được cấu tạo gọn nhẹ nhưng rất cứng vững, sử dụng an toàn ở mọi địa hình phức tạp như đầm lầy, đồi núi ...

Thông số kỹ thuật:

- Mã hiệu : TGTĐ2.
- Hai tang trống đường kính : 1.000 mm.
- Lực căng tối đa : 15 kN (1.500kgf).
- Số rãnh dùng được : 5.
- Kích thước (dài x rộng x cao)mm : 2.890x 810 x 1.680.
- Trọng lượng : 730 kg ± 3% .

CỤM BƠM ÉP 100 TẤN



Tính năng sử dụng:

Dùng để nối dây cáp điện cho các đường dây cao thế, hạ thế.

Máy gọn nhẹ, dễ di chuyển, vận hành đơn giản, sử dụng an toàn trong những địa hình phức tạp như đầm lầy, đồi núi,.....

Được thiết kế có tham khảo các mẫu máy ép của nước ngoài, thích hợp sử dụng trong ngành xây dựng điện, xây lắp điện, sửa chữa cơ khí ở những công trình điện.

Bộ nguồn thủy lực có thể sử dụng cho các thiết bị khác như: **kềm cắt dây, kềm đốt lõi, kềm ép dây, đầu ép các loại (nhỏ hơn 100T).**

Thông số kỹ thuật :

Bơm cao áp BTD900:

- Động cơ nổ : Honda GX200.
- Công suất cực đại : 6,5 HP.
- Vòng quay cực đại : 3.600 v/phút.
- Áp suất tối đa : 70 MPa (700 kgf /cm²).
- Lưu lượng : 6,5 lít / phút (16 MPa).
: 0,9 lít/ phút (70 MPa).
- Kích thước (dài x rộng x cao) (mm) : 600 x 460 x 650.
- Trọng lượng : 69 kg ± 3% .

Đầu ép ETD100:

- Đường kính xilanh x hành trình pittông : 135mm x 24 mm.
- Áp lực dầu vào lớn nhất : 70 MPa (700 kgf/cm²).
- Lực ép : 100 T.
- Kích thước (dài x rộng x cao) (mm) : 640 x 310 x 500.
- Trọng lượng : 61 kg ± 3%.

Dây dẫn:

- Áp lực làm việc tối đa : 100MPa (1.000 kgf/ cm²).
- Áp lực nổ dây tối thiểu : 240MPa (2.400 kgf/ cm²).
- Áp lực thử dây tại nhà máy : 150MPa (1.500 kgf/ cm²).

HÀM ÉP



Hàm ép đáy tròn



Hàm ép đáy bằng

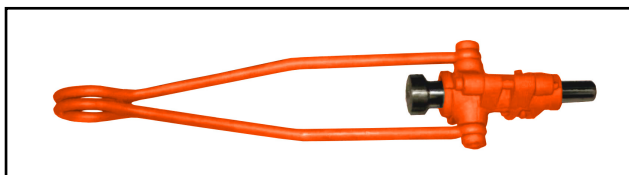
Tính năng sử dụng:

Dùng trong các loại đầu ép (35 T, 60 T, 100 T) để nối dây dẫn trong truyền dẫn phân phối và trạm điện.

Thông số kỹ thuật:

- Kích thước lỗ ép theo yêu cầu đặt hàng.
- Kích thước ngoài làm theo tiêu chuẩn.
- Độ cứng đối với hàm ép thép : 52HRC – 54 HRC.
- Độ cứng đối với hàm ép nhôm : 42 HRC – 45HRC.

KẸP CĂNG DÂY KIỂU A



Tính năng sử dụng:

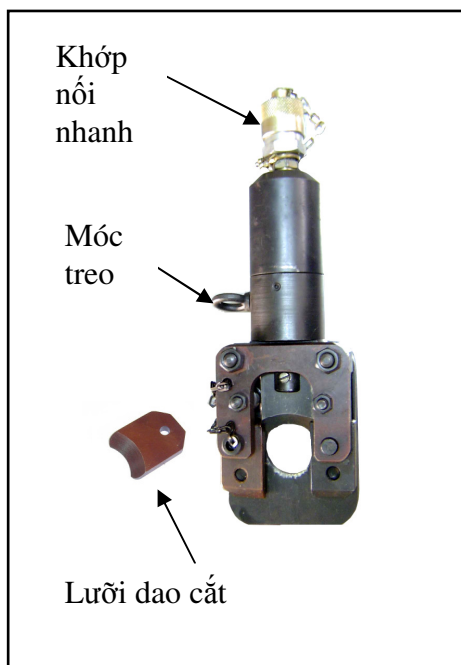
Dùng để kẹp ngang sợi dây điện, lực kẹp lớn, độ an toàn cao và không làm trầy xước dây.

Thông số kỹ thuật:

Loại	Cỡ	Trọng lượng (kg) ± 3% (không có nệm)	Lực căng cho phép (kN)	Áp dụng cho dây dẫn
Kẹp căng dây kiểu A	Số 2	6	30 (3.000kgf)	≤ 240 mm ²
	Số 3	9	50 (5.000kgf)	240mm ² ÷ 500mm ²
	Số 4	13	70 (7.000kgf)	500mm ² ÷ 810 mm ²

Chú ý: Lỗ của đầu kẹp dây phụ thuộc vào tiết diện của từng loại dây (đường kính lỗ để kẹp dây phụ thuộc vào đường kính của dây dẫn).

KÈM CẮT DÂY



Tính năng sử dụng:

Dùng để cắt các đầu nối dây, các đoạn nối, thanh đồng, nhôm, thép mềm phục vụ trong ngành xây lắp điện .

Để sử dụng trên các trụ điện ở độ cao, vận hành đơn giản bằng cách cung cấp một áp lực dầu 70 MPa (700 kgf/cm²) từ bên ngoài qua khớp nối nhanh (dùng chung bơm tay hoặc bơm máy).

Thông số kỹ thuật :

- Mã hiệu kèm : KBTD8.
- Thân kèm : Thép hợp kim.
- Lực cắt tối đa : 80 kN (8.000kgf).
- Đường dầu thủy lực : 01 đường.
- Áp lực dầu vào lớn nhất : 70 MPa (700 kgf/cm²).
- Đường kính lớn nhất của các loại dây dùng cho kèm:
 - + ACSR : 38mm.
 - + Dây đồng : 36mm.
 - + Nhôm : 40mm.
 - + Thép thanh mềm : 20mm.
- Kích thước (dài x rộng x cao) mm : 320 x 105 x 90
- Trọng lượng : 5,5 kg ± 3%.

KÈM ĐỘT LỖ



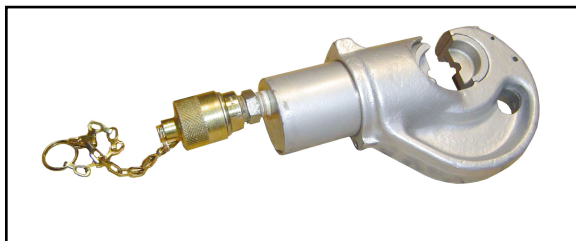
Tính năng sử dụng:

Kèm đột lỗ KĐTĐ31 là loại thiết bị được dùng khá phổ biến trong ngành xây lắp điện. Kèm đột lỗ sử dụng cho việc đột các lỗ để bắt bulông trong công tác dựng trụ điện. Vận hành đơn giản bằng cách cung cấp một áp lực dầu 70 MPa (700 kgf/cm²) từ bên ngoài qua khớp nối nhanh (**dùng chung bơm tay hoặc bơm máy**).

Đặc tính kỹ thuật:

- Mã hiệu kèm: KĐTĐ31.
- Lực ép tối đa: 310 kN (31T).
- Áp lực dầu vào lớn nhất: 70 MPa (700 kgf/cm²).
- Lỗ đột tối đa: ϕ 20,5 dày 13mm (thép CT3).
- Đường dầu thủy lực: 01 đường.
- Khuôn đột: (ϕ 15; ϕ 17; ϕ 19; ϕ 20,5).
- Trọng lượng: 16kg \pm 5%.

KÈM ÉP CHỮ C (DÙNG ÁP SUẤT TỪ BÊN NGOÀI)



Tính năng sử dụng:

Đầu ép chữ C với miệng hàm mở rộng 25mm dùng để nối dây cáp điện. Kết cấu gọn nhẹ, dễ di chuyển, vận hành đơn giản bằng cách cung cấp một áp lực dầu 70 MPa (700 kgf/cm²) từ bên ngoài qua khớp nối nhanh (**dùng chung bơm tay hoặc bơm máy**), dùng cho tất cả các loại hàm ép đáy tròn loại 12 T để nối dây dẫn điện .

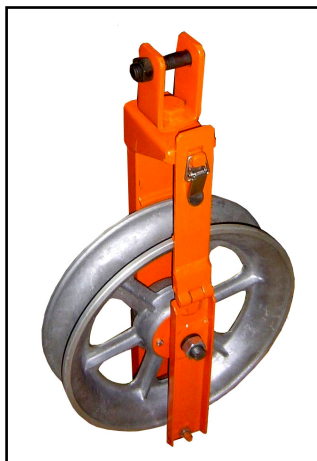
Thông số kỹ thuật:

- Hành trình: 25mm.
- Dung tích dầu yêu cầu: 42 cc.
- Lực ép: 113 kN (11,3 T).
- Kích thước (dài x rộng x cao)mm: 285 x 120 x 80.
- Trọng lượng: 3,6 kg ± 3%.

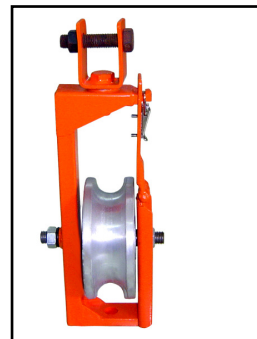
BULY NHÔM



Buly nhôm $\phi 300$ 3 rãnh



Buly nhôm $\phi 300$ 1 rãnh



Buly nhôm $\phi 150$ 1 rãnh

Tính năng sử dụng:

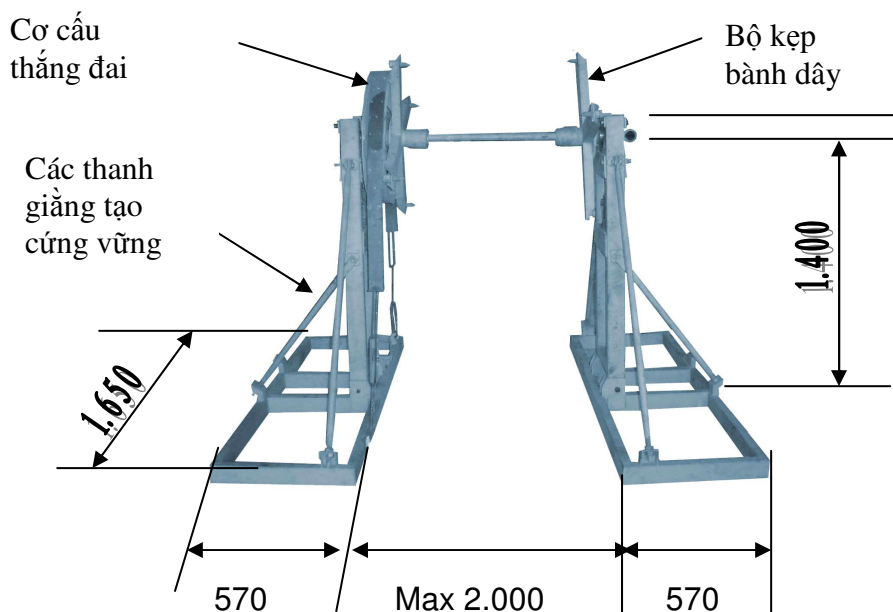
Dùng để kéo dây.

Có thể mở cánh để mang buly ra ngoài mà không cần phải tháo dây.

Thông số kỹ thuật:

	Buly nhôm $\phi 300$ 3rãnh	Buly nhôm $\phi 300$ 1rãnh	Buly nhôm $\phi 150$ 1rãnh
Áp dụng	Kéo 2 sợi dây điện, có thể gửi theo 1 sợi cáp mềm	Dùng để kéo cáp điện cao thế, trung thế, hạ thế.	Dùng để kéo dây trung thế trở xuống
Kích thước (dài x rộng x cao) mm	370 x 450 x 720	370 x 191 x 650	360 x 150 x 146
Trọng lượng (kg)	31,5 \pm 3%	11 \pm 3%	4,5 \pm 3%
Lực căng tối đa (kN)	25 (2.500 kgf x 2)	25 (2.500kgf)	15 (1.500 kgf)
Tải trọng côngxôn (kN)	15 (1.500 kgf)	7 (700 kgf)	5 (500 kgf)

GIÁ ĐỠ BÀNH DÂY – GD5



Tính năng sử dụng:

Giá đỡ bánh dây (trống quán dây) **GD5** là thiết bị được dùng phổ biến trong ngành xây lắp điện. Nó có tác dụng nâng bánh dây lên khỏi mặt đất để bánh dây có thể quay được khi ra dây hay thu dây.

Giá đỡ bánh dây lắp ráp đơn giản và có thể tháo ra riêng biệt từng bộ phận rất thuận tiện cho việc vận chuyển .

Có thể nâng, đỡ bánh dây (trống quán dây) với trọng lượng tới 5.000kg và hệ thống thắng (để hãm) đạt 1,5kN (150kgf). Đường kính bánh dây (trống quán dây) lớn nhất có thể dùng được là 2.200mm.

Giá đỡ bánh dây được thiết kế chắc chắn, gọn nhẹ, phù hợp với mọi địa hình phức tạp như đầm lầy, đồi núi, .v.v...

Thông số kỹ thuật :

- Mã hiệu : GD5.
- Hai con đội thủy lực để nâng bánh dây : 6.000 kg x 2.
- Trọng lượng tối đa của bánh dây : 5.000 kg.
- Lực hãm tối đa : 1,5kN (150 kgf).
- Đường kính bánh dây lớn nhất : ϕ 2.200 mm x 1.200 mm.
- Kích thước (dài x rộng x cao) (mm) : 1.650 x 570 x 1.400.
- Kích thước rộng nhất : 2.000 mm.
- Trọng lượng toàn bộ : 179 kg \pm 3%.

RỌ KÉO DÂY

Tính năng sử dụng:

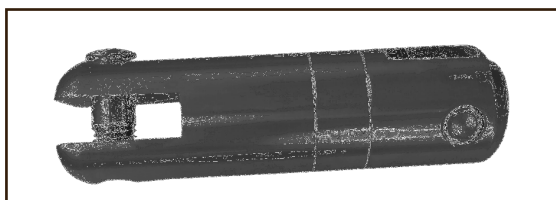
Dùng để kẹp đầu sợi dây điện thao tác nhanh nhưng lực kẹp không lớn và độ an toàn không cao.



Thông số kỹ thuật:

Cỡ	Trọng lượng (kg)	Tải trọng cho phép (kN)	Áp dụng cho cỡ dây (mm)
Số 1	0,42	15 (1.500kgf)	φ9 ÷ φ13
Số 2	0,50	20 (2.000kgf)	φ11 ÷ φ16
Số 3	0,56	15 (1.500kgf)	φ16 ÷ φ22
Số 4	0,65	20 (2.000kgf)	φ21 ÷ φ26
Số 5	1,06	30 (3.000kgf)	φ25 ÷ φ30

KHỚP XOAY



Tính năng sử dụng:

Dùng để nối sợi cáp mồi với kẹp đầu dây, có tác dụng chống xoắn cáp khi kéo dây.

Thông số kỹ thuật:

Cỡ	Trọng lượng (kg)	Tải trọng cho phép (kN)	Áp dụng cho dây có đường kính (mm)
Số 1	1,2	25 (2.500 kgf)	≤ φ16
Số 2	2,5	40 (4.000 kgf)	φ14 ÷ φ22
Số 3	4,5	63 (6.300 kgf)	φ20 ÷ φ26
Số 4	12,5	80 (8.000 kgf)	φ26 ÷ φ30

ĐẦU NỐI CÁP



Tính năng sử dụng:

Dùng để nối các sợi cáp mềm với nhau khi kéo dây.

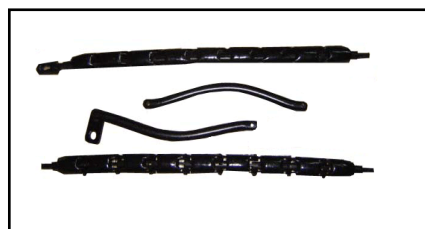
Thông số kỹ thuật:

Cỡ	Trọng lượng (kg)	Tải trọng cho phép (kN)	Áp dụng cho cỡ dây (mm)
Số 1	0,4	25 (2.500 kgf)	$\leq \phi 12$
Số 2	0,6	35 (3.500 kgf)	$\phi 12 \div \phi 16$
Số 3	1	55 (5.500 kgf)	$\phi 16 \div \phi 20$

BỘ CHỐNG XOẮN CÁP QUANG

Tính năng sử dụng:

Dùng để nối sợi cáp mềm với sợi cáp quang, với mục đích chống xoắn sợi cáp quang.

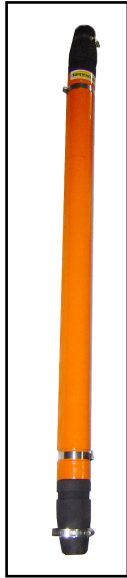


Thông số kỹ thuật:

- Mã hiệu : CX2
- Tải trọng cho phép : 20 kN (2.000 kgf).
- Chiều dài : 3.150 mm.
- Trọng lượng : 36 kg \pm 3%.



BỘ BẢO VỆ MỐI NỐI



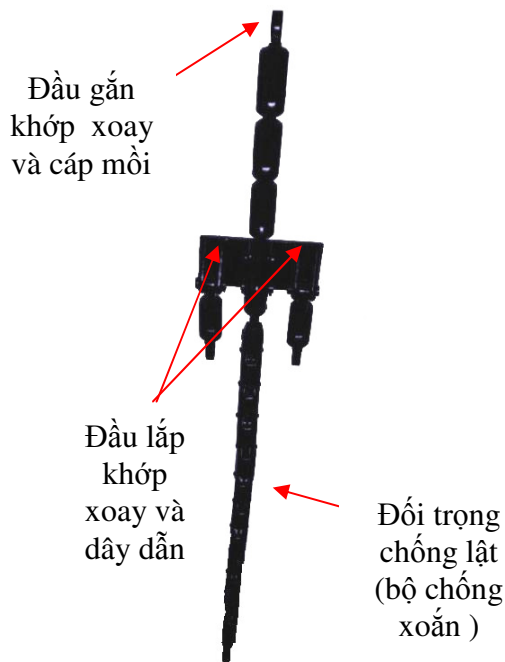
Tính năng sử dụng:

Dùng để bảo vệ mối nối khi kéo mối nối qua các buly.

Thông số kỹ thuật:

- Áp dụng cho buly $\phi 300$.
- Kích thước và trọng lượng bộ bảo vệ mối nối phụ thuộc vào từng loại dây dẫn và ống nối dây dẫn.

KHÁNH KÉO DÂY



Phạm vi ứng dụng:

Khánh kéo dây là một thiết bị dùng trong ngành xây lắp điện, được dùng để kéo 2 sợi cáp điện 1 lúc. Có thể mắc theo một sợi cáp mối. Khánh kéo dây được sử dụng chung với buly 3rãnh nhằm tăng năng suất (giảm thời gian rải cáp mối).

Thông số kỹ thuật:

- Mã hiệu : K3
- Tải trọng tối đa : 30 kN (3.000 kgf).
- Tổng chiều dài : 1.850 mm.
- Tổng trọng lượng : 37 kg \pm 3%.

TIẾP ĐỊA CỐ ĐỊNH

Tính năng sử dụng:

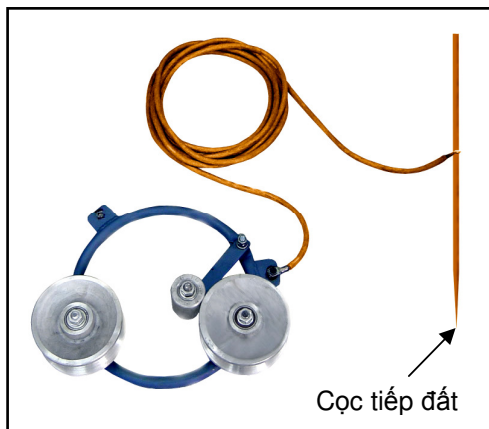
Dùng để ngăn ngừa sự phóng điện khi xử lý dây điện trên không gần đường điện khác, được dùng rất phổ biến trong ngành xây lắp điện nhằm bảo vệ người thi công đường điện không bị điện giật.

Thông số kỹ thuật:

- Dây cáp lõi đồng mềm CVM25 có vỏ nhựa trong.
- Chiều dài dây theo yêu cầu khách hàng.
- Trọng lượng: $2 \text{ kg} \pm 3\%$ (chưa tính dây cáp).



TIẾP ĐỊA DI ĐỘNG



Tính năng sử dụng:

Dùng để ngăn ngừa sự phóng điện khi đang kéo dây gần đường điện khác đang có điện.

Được dùng rất nhiều trong ngành xây lắp điện nhằm bảo vệ người thi công điện không bị điện giật.

Thông số kỹ thuật:

- Dây cáp lõi đồng mềm CVM25 có vỏ bọc ngoài bằng nhựa trong.
- Cọc tiếp đất $\phi 25\text{mm}$ dài 1.500mm mạ đồng.
- Hai bulý $\phi 150 \text{ mm}$ để lăn trên dây cáp.

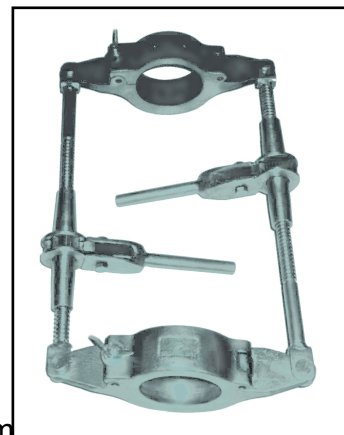
THIẾT BỊ THAY SỬ

Tính năng sử dụng:

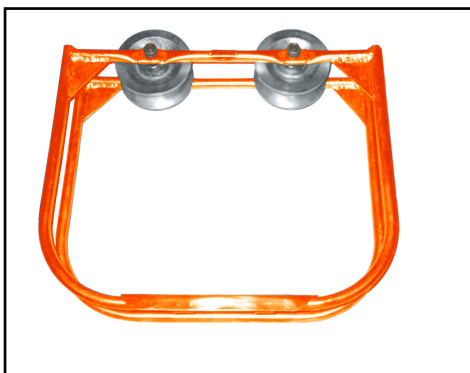
Dùng trong việc xây lắp và sửa chữa điện khi các sứ treo dây bị hỏng, thay thế sứ hư hỏng một cách dễ dàng, an toàn, dễ sử dụng và thao tác đơn giản.

Thông số kỹ thuật:

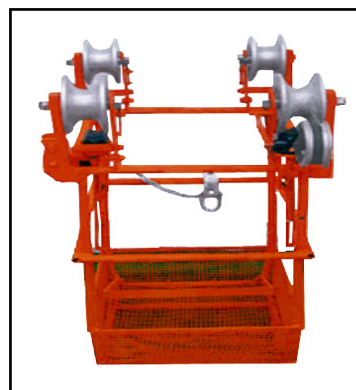
- Tải trọng làm việc tối đa: 30 kN (3.000 kgf).
- Đường kính sứ lớn nhất có thể thay thế được 210 mm
- Trọng lượng: 7kg ± 3%.



GHẾ RA DÂY



Ghế ra dây đơn



Ghế ra dây đôi

Tính năng sử dụng:

Ghế ra dây là một thiết bị được dùng để di chuyển thuận lợi trên dây cáp điện với mục đích sửa chữa và lắp đặt đường điện .

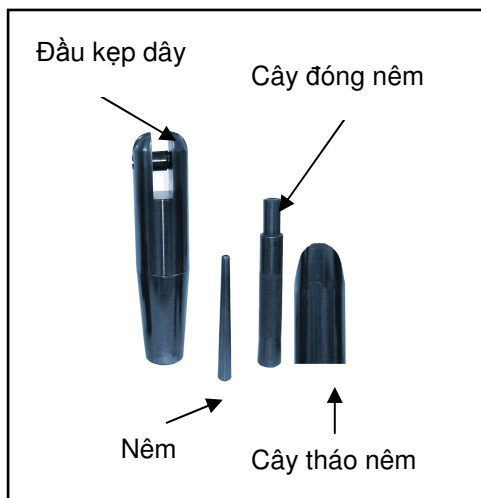
Ghế ra dây đơn thích hợp cho việc di chuyển lấy dụng cụ đồ nghề trên dây.

Ghế ra dây đôi có phần thùng ở giữa để người làm việc được thoải mái và an toàn với thời gian dài làm việc trên cao, có cơ cấu thắng hãm khi ghế ra dây chạy tốc độ cao khó kiểm soát hay muốn dừng nguyên một vị trí khi sửa chữa dây.

Thông số kỹ thuật:

Thông số	Ghế ra dây đơn	Ghế ra dây đôi
Buly lăn trên dây	φ150 (Buly nhôm).	φ150(Buly nhôm).
Kích thước (dài x rộng x cao) mm	590 x 110 x 490	650 x 530 x 860
Cỡ dây dẫn (mm ²)	ACSR 95 ÷ 610	ACSR 95 ÷ 610
Trọng lượng (kg)	09 kg ± 3%	34kg ± 3%

ĐẦU KẸP DÂY



Tính năng sử dụng:

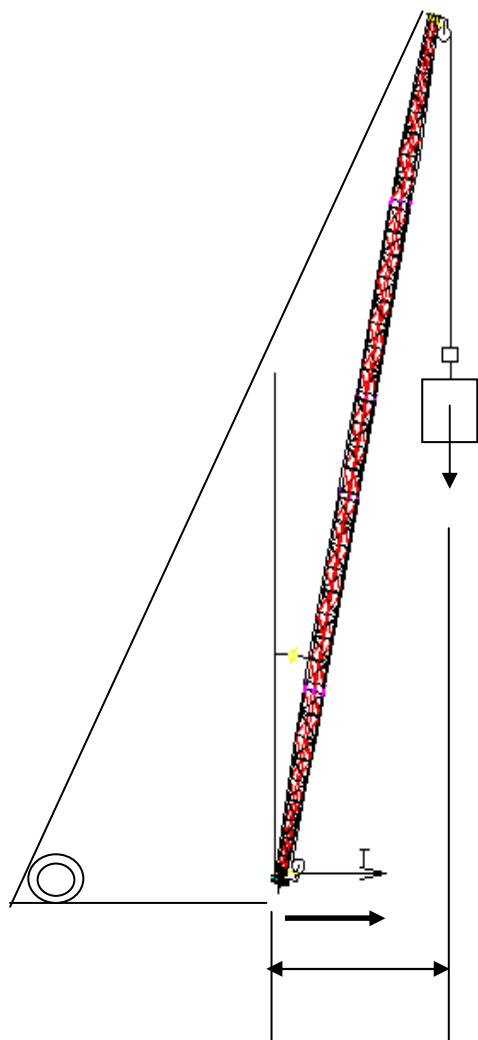
Dùng để kẹp đầu sợi dây điện ACRS (dây nhôm lõi thép), thao tác chậm nhưng lực kẹp lớn và độ an toàn cao.

Thông số kỹ thuật:

Cỡ	Trọng lượng (kg) $\pm 3\%$	Tải trọng cho phép (kN)	Áp dụng cho dây dẫn (mm ²)
Số 4	2,4	25 (2.500kgf)	≤ 185
Số 5	2,9	35 (3.500kgf)	185 ÷ 240
Số 6	3,3	45 (4.500kgf)	240 ÷ 410
Số 7	3,7	55 (5.500kgf)	410 ÷ 500
Số 8	4,1	65 (6.500kgf)	500 ÷ 610
Số 9	4,5	75 (7.500kgf)	610 ÷ 810

Chú ý: Lỗ của đầu kẹp dây phụ thuộc vào tiết diện của từng loại dây (đường kính lỗ để kẹp dây phụ thuộc vào đường kính của dây dẫn).

CẦN BÍCH CBTD450



Tính năng sử dụng:

Cần bích **CBTD450** là một thiết bị cho phép nâng các khối hàng lên cao, được thiết kế đặc biệt cho công tác dựng cột các đường dây tải điện và các kết cấu có chiều thẳng đứng khác. Cần bích được chế tạo từ các ống thép hàn lại với nhau, mỗi phần có chiều dài khác nhau được nối kết lại bằng ngàm và bulông để đạt chiều dài cần thiết.

Chân đế được làm bằng kết cấu thép hàn lại cho phép cần bích nghiêng. Đầu cần bích được hàn các móc treo dây neo.

Đường lườn dây cáp để nâng tải nằm bên ngoài kết cấu cần bích. Trên đầu và chân cần bích có giá treo để định vị bulý sắt cho dây cáp và các móc neo cho dây neo giữ cần bích.

Thông số kỹ thuật:

- Tổng chiều dài cần bích: 18,36 m .Gồm 5 đoạn.
- Trọng lượng toàn bộ: 421,5kg \pm 3%.
- Trọng lượng mỗi đoạn:
 - Đoạn gốc 4,045m : 105,5 (kg).
 - Hai đoạn thân 4,09m : 84 x 2 (kg).
 - Đoạn thân 2,09m : 45 (kg).
 - Đoạn ngọn 4,045m : 103 (kg).
- Tải trọng khối hàng lớn nhất ở tầm với $R=3,7$ mét là 2.900kg.

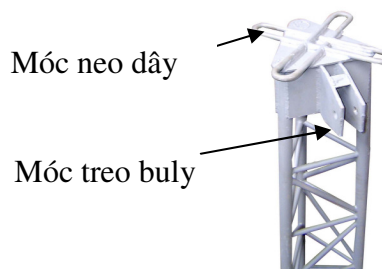


Đoạn gốc

Chốt



Đoạn giữa



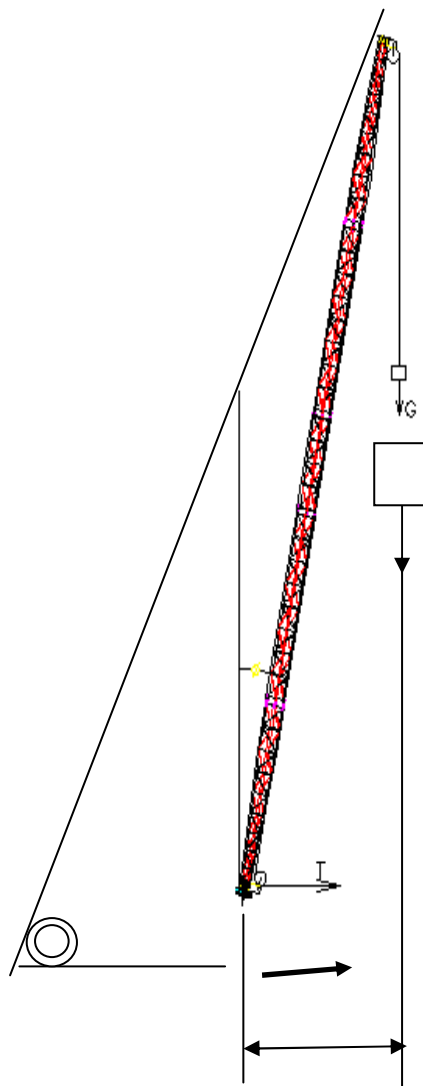
Móc neo dây

Móc treo bulý

Đoạn ngọn

Chú ý : chiều dài cần bích có thể thay đổi tùy theo yêu cầu của khách hàng.

CẦN BÍCH XOAY CBXTD450



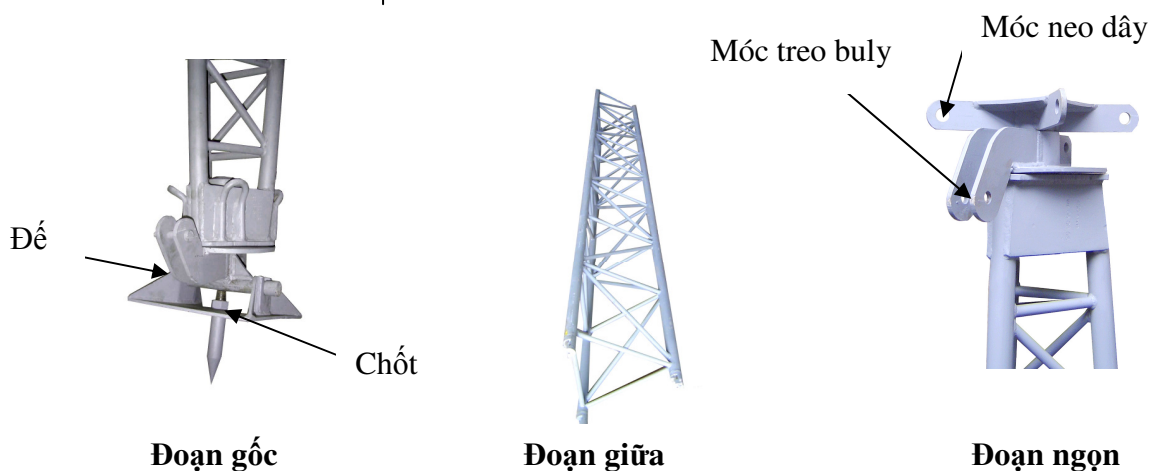
Tính năng sử dụng:

Với tính chất, khả năng làm việc, kết cấu thanh chính và thanh giằng như cần bích CBTD450 nhưng cần bích xoay CBXTD450 có thể xoay nhiều hướng mà không cần tháo dây neo ra khỏi cần bích.

Cần bích xoay CBXTD450 có thể xoay cả cần bích được vì phần treo bulô, neo dây và thân cần bích riêng chúng lắp ghép với nhau theo dạng xoay.

Thông số kỹ thuật:

- Tổng chiều dài cần bích: 18,64 m. Gồm 5 đoạn.
- Trọng lượng toàn bộ: 438,5 kg \pm 3%.
- Trọng lượng mỗi đoạn:
 - Đoạn gốc 4,22m : 115,5 (kg).
 - Hai đoạn thân 4,09m : 84 x 2 (kg).
 - Đoạn thân 2,09m : 45 (kg).
 - Đoạn ngọn 4,15m : 110 (kg).
- Tải trọng khối hàng lớn nhất ở tầm với R=3,7mét là 2.900kg.



Chú ý: chiều dài cần bích có thể thay đổi tùy theo yêu cầu của khách hàng.

TỜI ĐIỆN



Máy tời điện là một thiết bị chuyên dùng, máy được sử dụng để nâng hạ hay kéo các vật nặng trong ngành xây dựng hay vận tải và máy còn có thể dùng để kéo dây trong ngành xây lắp điện .v.v.

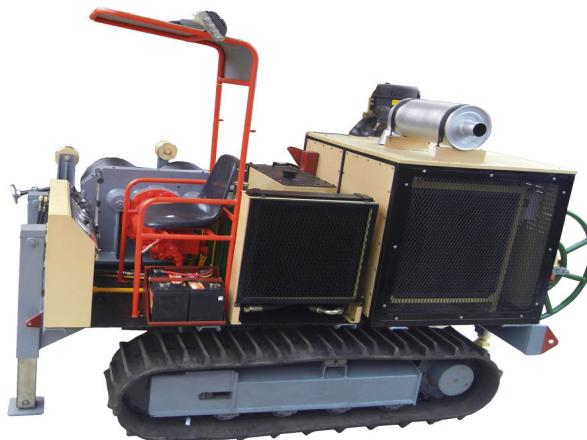
Được thiết kế đặc biệt gồm :

- Hệ thống ống chỉ quấn cáp có các rãnh dẫn hướng cáp để cáp không bị rối.
- Có hệ thống ly hợp để nhả cáp tự do và hệ thống đai thắng để khống chế tốc độ khi nhả cáp.
- Tải trọng cho phép máy kéo được là 10.000 kgf và lực thắng máy đạt được là 15.000 kgf.
- Máy có thể được sử dụng ở mọi địa hình phức tạp như đầm lầy, đồi núi ...
- Hệ thống điều khiển dễ dàng, linh hoạt dễ thao tác, dễ sử dụng.
- Khung máy được chế tạo từ các thanh thép định hình và thép tấm ghép hàn lại với nhau. Khung có các thanh giằng chống lại mômen uốn khi kéo tải tạo cho khung luôn cứng vững không bị cong vênh khi chịu lực kéo lớn .
- Mô tơ giảm tốc có hệ thống thắng rất an toàn khi sử dụng, nó được mở ra cùng lúc với hoạt động của máy và thắng cùng lúc khi ngưng hoạt động của máy.

Máy được chế tạo theo nhu cầu của người sử dụng, lực kéo 5 tấn, 10 tấn, 15 tấn

....

MÁY TỜI THỦY LỰC 10 TẤN



Mô tả:

TTD.TL.10 thích hợp để kéo cáp thép đường kính tối đa 18 mm. Rãnh tang kéo được tôi cứng có thể cho qua các khớp nối đường kính tối đa 50 mm.

Tang kéo được dẫn động bởi 1 mô tơ thủy lực lưu lượng cố định, có phanh đĩa ma sát. Phanh sẽ tự động mở khi tang kéo hoặc nhả cáp.

Cáp thép được quấn tự động vào bành dây, có hệ thống rải dây.

Một phanh tay kẹp dây vào rãnh tang trống, khi ngừng kéo để thay bành dây hoặc khi hệ thống thủy lực gặp sự cố.

Máy được trang bị hệ thống làm mát dầu.

Hệ thống khung vững chắc.

Máy có thể tự hành trên hệ thống xích cao su, được dẫn động bởi 2 mô tơ thủy lực hoạt động độc lập.

Thông số chung :

Lực kéo tối đa : (Pmax)	100 kN
Vận tốc tối đa khi Pmax	1.5 km/h
Vận tốc tối đa (Vmax)	3.5 km/h
Lực kéo tối đa khi Vmax	30 kN

Chú ý: Sử dụng cáp kéo với đường kính nhỏ hơn sẽ làm giảm lực kéo cũng như khả năng phanh.

Tang quấn cáp : Ø400

Số rãnh trên tang quấn cáp : 8

Đường kính cáp lớn nhất :Ø18

Kích thước (m) :3.8 x 1.85 x 2.2 (không tính bành dây)

Trọng lượng : 4.3 tấn

Động cơ :

- Mã hiệu : Cummins 4BTA3.9-C80
- Nơi sản xuất: China
- Loại động cơ : diesel
- Dung tích xylanh : 3.9 lít, có turbo tăng áp và làm nguội gió
- Công suất : 60kW (80HP) ở 2200 rpm
- Hệ thống làm mát : nước
- Điện áp :24V
- Tiêu chuẩn khí thải : Euro II

Thông số kéo :

- Lực kéo tối đa : 100 kN (ở tốc độ kéo tối đa 1.3km/h)
- Tốc độ tối đa : 4km/h (lực kéo 30 kN)

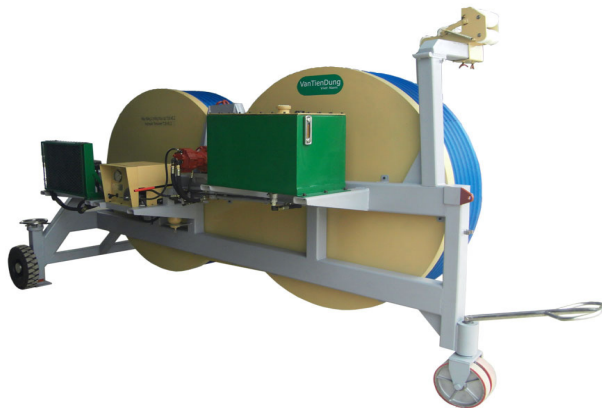
Thông số tự hành :

- Xe tự hành trên bánh xích cao su, được điều khiển bằng thủy lực.
- Vận tốc tự hành :0 - 8km/h
- Độ dốc cho phép : 30°

Thông số cuốn cáp

- Đường kính bành dây : Ø1100 (có thể chứa 500m cáp Ø16, hoặc 1000m cáp Ø12)
- Áp suất căng dây ở bành cáp : 5 Mpa, tự động rải dây

MÁY THĂNG (HÃM) THỦY LỰC 2 TRỐNG



1. Đặc tính chung:

- Gọn nhẹ. Do lắp đặt cùng địa điểm với các bành dây nên không có bánh xe để kéo như rơ móc.
- Có bánh xe để có thể di chuyển trong khoảng cách ngắn.
- Không có động cơ truyền động bơm thủy lực. Vào dây cáp điện bằng tay.
- Không có hệ thống kéo ngược.
- Hệ thống thắng thủy lực, và thắng đĩa ma sát an toàn.
- Có hệ thống làm mát dầu thủy lực.

2. Thông số kỹ thuật:

2.1. Thông số chung :

- Trống thắng : 2 x 1800mm
- Số rãnh trên trống thắng: 6 rãnh
- Đường kính cáp tối đa: 40 mm.
- Nhớt thủy lực: VG46
- Nhiệt độ nhớt thủy lực VG46 khi làm việc: tối thiểu -7°C và tối đa 70°C
- Kích thước (dài x rộng x cao): 3,8m x 1,6m x 2,35m
- Trọng lượng: 2.300 kg

2.2. Lực thắng và kéo:

- Lực thắng tối đa : 45 kN
- Lực thắng liên tục tối đa: 40kN